

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 161/2018/HS-ST

Ngày: 16-11-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ân

Bà Trần Thị Lệ

Những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 153/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Trần Anh T; tên gọi khác: T; sinh năm: 1996 tại Đồng Nai; Thường trú: tổ X, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Cha: Trần Văn T, mẹ: Đặng Thị Minh T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2018; tạm giam ngày 12/6/2018 đến nay (có mặt).

2. Phùng Văn T1; tên gọi khác: N; sinh năm: 1996 tại Đồng Nai; Thường trú: tổ X, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Cha: Phùng Văn B, mẹ: Mai Thị H, Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2018; tạm giam ngày 12/6/2018 đến nay (có mặt).

3. Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; Địa chỉ: khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ X, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Văn T1 và Trần Anh T là bạn bè với nhau. Do cần tiền nên T rủ T1 đi cướp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 10 giờ ngày 09/6/2018 T1 điều khiển xe mô tô biển số 71C4-049.63 (xe của T1) chở T đi từ xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai về phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với mục đích đi tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi T1 và T điều khiển xe đến khu vực thuộc phường M thì cả hai phát hiện bà Nguyễn Thị N đang đi xe đạp phía trước, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,57 chỉ, trên sợi dây chuyền có đeo 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,74 chỉ nên T1 điều khiển xe máy của mình áp sát vào xe của chị N để T ngồi sau dùng tay phải luồn vào cổ áo bà N giật và lấy được một đoạn dây chuyền rồi tăng ga bỏ chạy. Bà N liền tri hô thì những người dân xung quanh đuổi theo, bắt được cả T1 và T cùng với tang vật chứng.

Tang vật thu giữ gồm: 01 đoạn dây chuyền màu vàng hình xoắn, dài 48 cm (do T giật còn sót lại trên người bà N cùng 01 xe mô tô BKS 71C4-049.63. Riêng đoạn dây chuyền và chiếc nhẫn T giật được của chị N, trên đường bỏ chạy T làm rơi nên không thu hồi được

Quá trình điều tra T1 và T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai nhận trước đó còn thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản khác, cụ thể như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/6/2018 T1 và T điều khiển xe mô tô biển số 71C4-049.63 lưu thông trên Quốc lộ 51 theo hướng từ Đồng Nai về Bà Rịa – Vũng Tàu. Khi đến khu vực cầu T thuộc phường M thì phát hiện bà Nguyễn Thị Kim L đang điều khiển xe mô tô đi phía trước, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 07 chỉ nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản. T1 điều khiển xe mô tô của mình áp sát vào xe bà L để T ngồi sau giật sợi dây chuyền và tăng ga bỏ chạy. Sau đó, cả hai chạy đến tiệm vàng ở chợ P bán sợi dây chuyền được 6.500.000 đồng, T chia cho T1 3.000.000 đồng, T1 đã tiêu xài hết, còn lại 3.500.000 đồng T giữ lại, khi bị bắt T giao nộp lại số tiền 2.500.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 98/KL ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phú Mỹ kết luận: Tại thời điểm ngày 09/6/2018, 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,57 chỉ có trị giá là 4.301.800 đồng; 01 nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,74 chỉ có trị giá là 2.027.600 đồng; Tại thời điểm ngày 07/6/2018, 01 sợi dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 07 chỉ có trị giá là 19.185.600 đồng. (BL: 22)

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định 01 đoạn dây chuyền màu vàng hình xoắn dài 48 cm, trọng lượng 5,1 phân là tài sản của bà N và số tiền 2.500.000 đồng là tiền bán tài sản trong vụ cướp giật của bà L. Ngày 05/9/2018 Cơ quan điều tra tiến hành trao trả lại toàn bộ tài sản trên cho các bị hại.

Đối với 01 xe mô tô biển số 71C4-049.63 các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, hiện đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo T1, T đã tự thỏa thuận bồi thường cho bà L số tiền 14.000.000 đồng; bồi thường cho bà N số tiền 2.250.000 đồng. Bà L, bà N không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 164/CT-VKS ngày 16/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) truy tố các bị cáo Trần Anh T,

Phùng Văn T1 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc xét hỏi và tranh luận công khai, dân chủ thể hiện:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo T1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Về xử lý vật chứng: tịch thu sung công một xe mô tô biển số 71C4-049.63 là tang vật của vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đề đạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại có ý kiến: không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 10 giờ ngày 09/6/2018 tại khu vực khu phố P, phường M, thị xã P bị cáo T1 điều khiển xe mô tô biển số 71C4-049.63 chở T thực hiện hành vi cướp giật của bà Nguyễn Thị N 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,57 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,74, trị giá 6.329.400 đồng rồi bỏ chạy, sau đó bị quần chúng nhân dân bắt giữ cùng tang vật chứng. Quá trình điều tra, các bị cáo cũng tự khai nhận cũng với cách thức và thủ đoạn như trên vào khoảng 12 giờ ngày 07/6/2018 T1 và T điều khiển xe mô tô của T1 đến khu vực cầu T, phường M thì thực hiện hành vi cướp giật của bà Nguyễn Thị Kim L một sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 07 chỉ trị giá 19.185.600 đồng rồi tẩu thoát. Tài sản cướp được cả hai mang đi tiêu thụ và chia nhau tiền tiêu xài.

Hành vi của các bị cáo Trần Anh T, Phùng Văn T1 thực hiện đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Hành vi của các bị cáo T, T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm

hành sự, nhưng vì lười lao động, coi thường pháp luật nên thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác để có tiền thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Do đó, cần phải có một hình phạt thật tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Các bị cáo T, T1 cùng nhau cố ý thực hiện một tội phạm nên các bị cáo là đồng phạm với nhau. Tuy nhiên các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở lượng hình cần xem xét đến vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo.

Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T1 đi cướp giật tài sản, bị cáo là người trực tiếp giật tài sản của các bị hại, khi bán được tài sản thì bị cáo được chia 3.500.000 đồng. Bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò là người khởi xướng và thực hành. Bị cáo T1 khi được T rủ thì đồng ý ngay, bị cáo là người chuẩn bị xe máy, chở T và ép các bị hại để T giật tài sản, sau khi bán tài sản thì bị cáo được chia 3.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò người thực hành rất tích cực và chịu trách nhiệm như bị cáo T.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T1, T thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên, vì vậy áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả, trong đó bị cáo T đã nộp lại số tiền 2.500.000 đồng để hoàn trả lại cho bà L; đã tự thú khai nhận lần phạm tội trước đó; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo T1 đã có thời gian phục vụ trong quân đội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được xem xét khi lượng hình.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Gia đình các bị cáo T, T1 đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, người bị hại đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm nên phần bồi thường đã giải quyết xong.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, màu đen biển số 71C4-049.63, số khung RLHJC4313BY637508, số máy JC 43E1772758. Theo kết quả xác minh thì không xác định được chủ sở hữu, cơ quan điều tra cũng đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả; bị cáo T1 thừa nhận đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu sung công.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Anh T, Phùng Văn T1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2018.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2018.

2. Về bồi thường thiệt hại: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, màu đen biển số 71C4-049.63, số khung RLHJC4313BY637508, số máy JC 43E1772758.

(Vật chứng nêu trên hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, theo biên giao nhận ngày 15/11/2018)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Anh T, Phùng Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm .

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- CC THADS thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lê Hoàng Anh